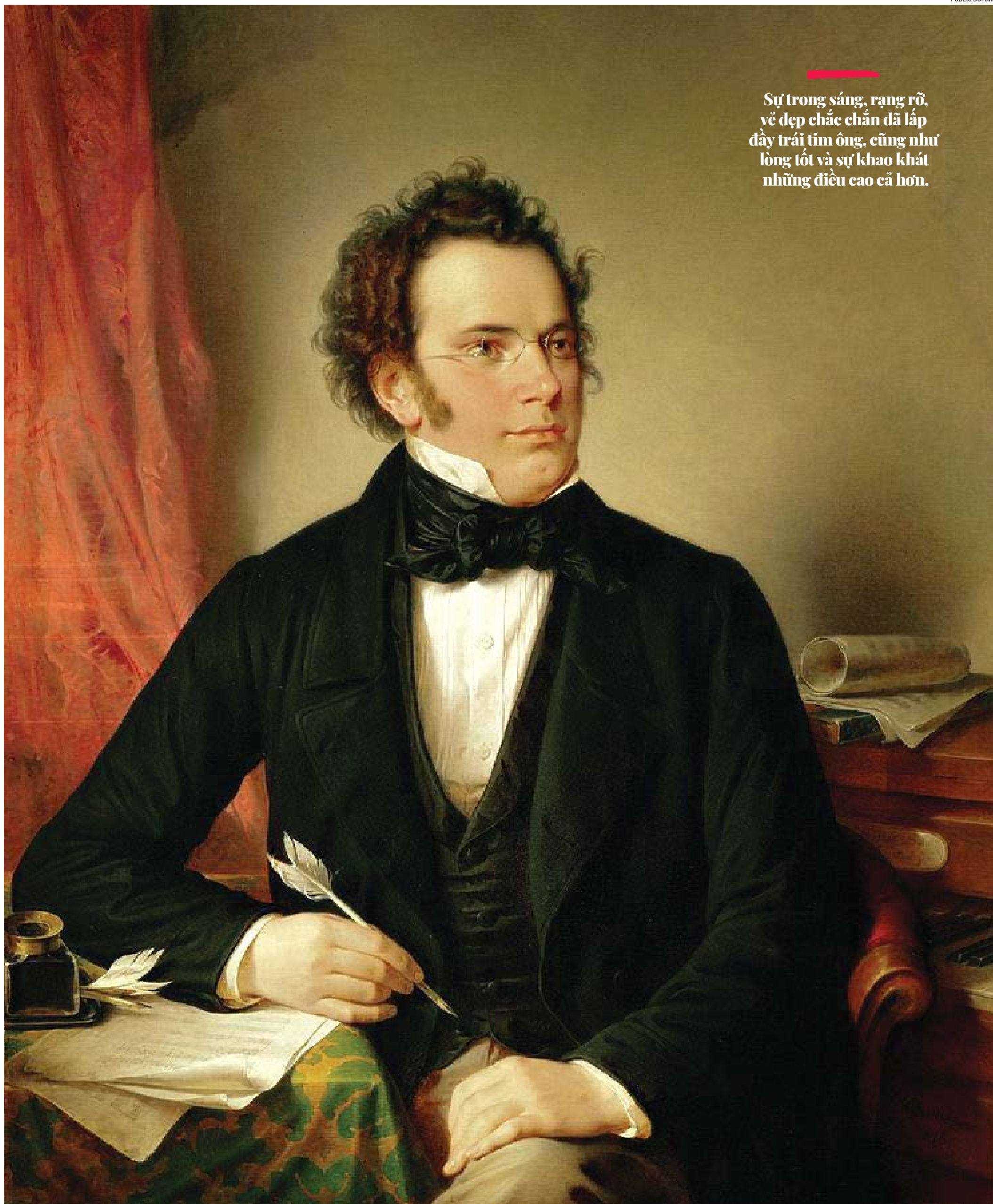


VĂN HÓA & NGHỆ THUẬT

PUBLIC DOMAIN

Sự trong sáng, rạng rỡ,
vẻ đẹp chắc chắn đã lấp
đầy trái tim ông, cũng như
lòng tốt và sự khao khát
những điều cao cả hơn.



"Franz Schubert", 1875, của Wilhelm August Rieder (1796–1880). Tranh sơn dầu trên nền màu nước, 1825, Bảo tàng Lịch sử Thành phố Vienna.

NGHỆ THUẬT

Thông điệp về một thế giới tốt đẹp của
Franz Schubert

Đọc bài trang 6

‘Người tốt’ không hành ác, vì sao vẫn gặp tai ương?

THẢO NGỌC

Con người sống trên đời cần phải giữ vững chính nghĩa, biết lên tiếng cho lẽ phải, công bằng. Bớt lựa chọn Thiện hay Ác, đứng về Chính hay Tà, đều sẽ quyết định vận mệnh và tương lai mỗi người.

Xưa ở vùng Sở Châu có nàng Đậu Nga, nàng là một người con có hiếu. Cha nàng vì để trả nợ và có tiền lên kinh ứng thí nên đã bán Đậu Nga khi nàng còn nhỏ tuổi. Sau khi về nhà chồng, nàng lại là cô con dâu thảo, hết lòng phụng dưỡng mẹ già.

Đậu Nga khi mới lên 7 tuổi đã được Thái Bà mua về làm con dâu. Vài năm sau, con trai của Thái Bà qua đời, trong nhà chỉ còn lại Đậu Nga và bà Thái sống nương tựa vào nhau.

Tấm lòng thơm thảo của nàng thì cả vùng Sở Châu không ai không hay biết. Nhưng cuộc đời lắm nỗi oan khiên, nàng bị gã lưc mạnh họ Trương vu oan tội giết người.

Lúc ấy, Trương Lư Nhi cùng với cha là Trương Lão Nhi biết trong nhà chỉ có hai người phụ nữ góa bụa, liền đến ở li nhà Thái Bà, ép Thái Bà và Đậu Nga phải thành thân với cả hai cha con hần. Thái Bà thân có thể có nên đành ưng chịu, nhưng Đậu Nga thì nhất định cự tuyệt. Bởi vậy, Trương Lư Nhi liền bày mưu tính kế hãm hại nàng.

Lợi dụng khi Thái Bà bị ốm, còn Đậu Nga thì nấu cháo mời mẹ chồng ăn, Trương Lư Nhi đã lên bếp thuốc độc vào trong bát, định bụng sau khi Thái Bà chết sẽ ép buộc Đậu Nga. Nào ngờ, người bị trúng độc lại là Trương Lão Nhi chứ không phải Thái Bà.

Sau đó, Trương Lư Nhi bắt nàng giải lên công đường. Tri phủ Sở Châu lúc bấy giờ là quan tham Đào Ngột, vì đã nhận tiền đút lót của Trương Lư Nhi nên Đào Ngột đã ép cung bắt nàng phải nhận tội. Đậu Nga đau bị đánh đập trước mặt nàng. Đậu Nga thương mẹ chóng tuổi cao sức yếu, không thể chịu đựng nổi cực hình, nên đành chịu nỗi oan mà nhận tội.

Nàng Đậu Nga bị giải ra pháp trường. Trước lúc hành hình, nàng ngửa mặt lên trời than rằng:

“Xin hãy ban cho tôi một dải lụa trắng dài một trượng hai, treo lên một cây sào cao. Nếu tôi bị oan, thì một giọt máu nóng cũng không rơi xuống đất mà sẽ bắn lên trên dải lụa trắng kia. Nếu tôi bị oan, thì trời sẽ giáng tuyết dày ba thước đập lên thi thể tôi. Và nếu như tôi bị oan, sau khi tôi chết đi, vùng Sở Châu này sẽ hạn hán trong suốt 3 năm liền.”

Đạo phủ thuận theo nguyện vọng của nàng, liền lấy dải lụa trắng treo lên cây sào.

Đậu Nga hát:

“Nếu Đậu Nga này bị tội oan Không gặp được minh quan Thì máu này không rơi xuống đất, Mà phun lên tằm lụa cho thiên hạ cùng xem. Như vậy lòng ta mới tỏ Là người ngay thẳng chịu oan!”

Tham quan phủ Sở Châu nghe thấy liền chế giễu: “Thật là ngu muội! Xưa nay người ta chỉ thấy máu chảy xuống đất, nay ta lại muốn xem thử máu bay lên trời thì thế nào đây?”.

Đậu Nga lại hát:

“Người rằng đang nắng hạ, Không phải buổi tuyết sa Sao không nghe Châu Diên bị oan xưa, Sương gieo ngày tháng Sáu? Nếu thật là hồn nung nấu, Tuyệt kia chắc phải sa Tuyệt dầy phủ kín lấy thay ta.”

Tham quan phủ Sở Châu nghe thấy liền cười đùa lia lịa: “Hoàng đường! Mùa hè tháng Sáu oi bức như thế này, sao lại có tuyết rơi được chứ? Dù nhà người có oán đến ngút trời cũng không rơi được mây mà một hạt tuyết.”

Đậu Nga hát tiếp:

“Người rằng giờ kia không thể dối Lòng người chẳng khác thương Không biết rằng, giờ kia cũng có tòng nhân nguyện Chứ làm sao mà, 3 năm không thấy trời mưa đó?

Cũng chỉ vì Đông Hải dấu hiện bị Thiên oan. Ngày nay đến lượt huyện Sơn Dương, Tất cả đều do quan vì tâm xử bậy Khiến nên trăm họ, Có miệng mà khó nói nên lời.”

Các viên quan chứng kiến sự việc này đều nói: “Ôi thời đại nhân, người phụ nữ về vụ này, ép Thái Bà và Đậu Nga phải thành thân với cả hai cha con hần đó!”

Giờ từ đó điểm, đạo phủ toan chém đầu Đậu Nga ra đánh đập trước mặt nàng. Đậu Nga thương mẹ chóng tuổi cao sức yếu, không thể chịu đựng nổi cực hình, nên đành chịu nỗi oan mà nhận tội.

Đậu Nga chỉ kịp cật lên những lời cuối cùng:

“Mây kia vì ta mà che, Gió kia vì ta mà thổi Ba điều ước nguyện, xin hãy đợi mà xem...”

Có câu nói rằng: “Thiện ác nếu không báo, cần khôn tất vị tu!” Khi tên đao phủ dấy ba thước đập lên thi thể tôi. Và nếu như tôi bị oan, sau khi tôi chết đi, vùng Sở Châu này sẽ hạn hán trong suốt 3 năm liền.”



Câu chuyện nhân nhủ rằng con người sống trên đời cần phải phân định rõ thi phi, giữ vững chính nghĩa, biết lên tiếng cho lẽ phải, công bằng. (Tranh minh họa)

cả vùng Sở Châu cũng lâm vào hạn hán, hoa màu khô héo, người dân trong vùng đều biết rằng nỗi oan của nàng đã thấu tận trời xanh.

Người đời sau vì thương cảm cho nỗi oan ngút trời của nàng Đậu Nga mà viết bài thơ rằng:

“Không kiện cùng quan kiện với đời Lòng ta oán giận khổ nên lời Đờ đờ vì mẹ cho tròn hiếu, Một chết theo chóng nghĩa khó phai. Tuyết dầy ba thước vìu thầy sạch. Lụa trắng buông dài máu đỏ phun, Sương xuống mới hay Châu Diên khuất, Tuyệt bay đã tỏ Đậu Nga oan”

Nhiều năm sau, khi cha của Đậu Nga đã thi đồ bằng vàng, vinh quang hiển hách, ông trở về Sở Châu phúc thăm lại vụ án và trừng trị những ác nhân phạm tội. Bà con đầu làng cuối xóm lũ lượt kéo đến thăm hỏi cha nàng và nói: “Từ đầu chúng tôi đã biết Đậu Nga bị oan, chỉ vì sợ quyền thế của tên tham quan đó mà đành ồm hận chứ không dám nói ra. Nhưng mà chúng tôi không hề hãm hại Đậu Nga, cố sao lại phải chịu nạn hạn hán trong suốt 3 năm này chứ?”

Cha của Đậu Nga đáp: “Các ông đã biết rõ Đậu Nga bị oan mà không nói lời công đạo, đó gọi là bất nghĩa. Còn có những người hòa theo tham quan mà miệt thị người lương thiện, đó gọi là bất nhân. Trời cao có mắt, không có tai bay và gió, thiên tai nhân họa chính là để trừng trị những kẻ bất nhân bất nghĩa vậy!”

Câu chuyện trên lấy nguyên mẫu từ vụ án lịch sử “Thiên cổ kỳ oan” của nàng Chu Thanh, sống ở vùng Đông Hải thời nhà Hán. Bởi ảnh hưởng chấn động vào thời bấy giờ, nên vụ án này được ghi chép trong Liệt Nữ Truyện, về sau trở thành nguồn cảm hứng cho tác giả Quan Hán Khanh viết nên kiệt tác “Cảm Thiên Động Địa Đậu Nga Oan” (nỗi oan của Đậu Nga cảm động cả đất trời).

Câu chuyện nhân nhủ rằng con người sống trên đời cần phải phân định rõ thi phi, giữ vững chính nghĩa, biết lên tiếng cho lẽ phải, công bằng. Bởi lựa chọn Thiện hay Ác, đứng về Chính hay Tà, đều sẽ quyết định vận mệnh và tương lai mỗi người.

Vậy vì sao ranh giới giữa Thiện và Ác lại quan trọng đến thế? Bởi tâm lòng thiện lương cũng giống như một ngọn đèn thấp sáng thế gian này. Nếu mỗi người không thể giữ vững ngọn đèn chính nghĩa trong tâm, thì chẳng phải thế giới sẽ chìm ngập trong bóng tối hay sao? Và nếu như quá thật thế giới này toàn một màu đen tối, thì cái ác sẽ có nơi để ngự trị, để tung tung, và càng thêm phát tác hay sao?

Ranh giới giữa Thiện và Ác rất mong manh, nhưng lại quyết định sự khác biệt của mỗi người. Như trong câu chuyện trên đây, người dân Sở Châu đau không hành ác, không hại người, họ có thể tưởng rằng mình không phạm tội và không phải là người xấu. Nhưng khi thấy người tốt bị vu oan giả họa, họ lại chọn cách im lặng, vì để giữ an toàn cho bản thân mà không dám nói lời chính nghĩa. Chỉ một vị một niệm này thôi đã đủ để phân định Thiện - Ác trong tâm mỗi người.

Thiện lương chân chính là vào giờ phút then chốt họ có thể đứng về phía lẽ phải hay không; vào giờ phút then chốt họ có dám vì chính nghĩa hay không; đối mặt với những sự việc đại thiện đại ác khiến người người kinh hoàng phấn nộ, họ có dám lên tiếng bảo vệ cho những người vô tội hay không.

Người tốt, ấy là giữa thế sự đảo điên, đạo đức đang trượt dốc mỗi ngày, họ vẫn sẵn sàng đối mặt với cái ác để cất tiếng nói cho những người không thể nói...

Người tốt, ấy là đối diện với lời gièm pha chế nhạo của người đời, đối diện với lời đời trả chà đạp lên đức tin và tín ngưỡng, họ vẫn âm thầm đi khắp thôn cùng ngõ hẻm, nói lên sự thật để thực tình lương tri, bảo vệ người vô tội...

Như Martin Luther King từng nhân nhủ với chúng ta:

“Kẻ hèn nhất hỏi: Có an toàn không? Kẻ cơ hội hỏi: Có khôn khéo không? Kẻ kiêu căng hỏi: Có được tiếng tăm gì không? Nhưng kẻ có lương tâm hỏi: Có là lẽ phải không? Và có khi ta phải chọn một vị trí không an toàn, không khôn khéo, cũng không được tiếng tăm nào cả, nhưng ta phải chọn nó, bởi vì đó là lẽ phải.”



Bức tranh nổi tiếng về trận chiến cuối ở Alamo. “The Fall of the Alamo”, 1903 (Tạm dịch: Sự sụp đổ của Pháo Đài Alamo) do họa sĩ Robert Jenkins Onderdonk vẽ, miêu tả Davy Crockett đang cầm khẩu súng trường như một cây gậy để chống trả lại quân Mexico đang tấn công.

Không bao giờ bỏ cuộc: Những bài học từ ‘Các trận chiến cuối cùng’ của Michael Walsh

JEFF MINICK

Xuyên suốt trong lịch sử, thay vì đấu hàng, những người đàn ông lâm vào đường cùng đã chiến đấu chống lại kẻ thù của họ cho dù quân địch đang áp đảo. Tại sao họ lại chiến đấu đến hơi thở cuối cùng? Động lực nào khiến họ dám dùng đá và những nắm đấm để tiếp tục chiến đấu khi kiếm đã gãy và súng đã hết đạn?

Trong cuốn sách “Last Stands: Why Men Fight When All Is Lost” (Tạm dịch: Các Trận Chiến Cuối Cùng: Tại Sao Những Người Đàn Ông vẫn Chiến Đấu khi Tất Cả Đã Mất), nhà báo Michael Walsh của The Epoch Times đã đặt ra những câu hỏi này. “Chú nghĩa anh hùng là gì? Chúng tôi không phân biệt chất đạo đức nào? Đó có phải là vị người khác, tình yêu, và sự hy sinh quên mình? Mặt trái đạo đức là gì - sợ hãi sự hèn nhát, khát vọng danh tiếng, và sự kiêu hãnh? Tại sao chú nghĩa anh hùng từng được tôn vinh, mà giờ đây lại bị xem là lạc hậu, ngu ngốc và ngạo mạn?”

Trong cuốn sách “Các Trận Chiến Cuối Cùng”, Walsh đã khám phá những chủ đề này bằng cách nghiên cứu 17 trận chiến, từ trận Thermopylae năm 480 TCN cho đến cuộc giao tranh tàn khốc năm 1950 giữa Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ và Trung Cộng tại hồ Chosin ở Bắc Hàn. Ngoài những mô tả tinh tế về những cuộc xung đột này, Walsh còn cung cấp lịch sử vắn tắt của các sự kiện báo trước những trận cuối này và kết cục của chúng, cũng như tiểu sử ngắn gọn của các vị tướng lĩnh có liên quan.

Trong mỗi sự kiện, Walsh cũng bàn luận về điều đã truyền cảm hứng cho những người lính khiến họ có thể hy sinh cao cả.

Trong tinh hình bất ổn hiện tại của đất nước chúng ta, việc hiểu được động lực của những chiến binh này có thể giúp ích và khích lệ chúng ta chiến đấu với ý chí cao cả.

Lễu lĩnh và tuyệt vọng

Khi George Custer [sĩ quan chỉ huy kỵ binh của Quân đội Hoa Kỳ] trong thời Nội chiến Hoa Kỳ] dẫn các đoàn quân của Đội kỵ binh số 7 đến cuộc tàn sát khủng khiếp tại Little Bighorn (1876), ông đã vướng phải nhiều sai lầm. Ông đã chia cắt lực lượng của mình khi đối mặt với kẻ địch mà không đo thám căn thặng; ông đã đặt niềm tin vào các tướng lĩnh cấp dưới, những người tỏ ra yếu đuối và bất tuân; và tệ nhất là ông đã tin rằng những người bản địa Sioux và các chiến binh khác sẽ tháo chạy trước đội kỵ binh như họ đã làm trong quá khứ.

Thay vào đó, những người thổ dân da đỏ tấn công và tàn sát Custer và người của ông; nhiều người trong số họ là những tay súng kém cỏi, không

có kinh nghiệm cưỡi ngựa, và không được đào tạo bài bản. Dù lực lượng không đồng bằng và bị áp đảo, họ vẫn tiếp tục chiến đấu, đơn giản vì họ không còn lựa chọn khác. Họ không thể đầu hàng, bởi vì bị bắt sống đồng nghĩa với bị tra tấn đến chết. Một số người Sioux sau đó đã kể lại rằng nhiều người thể tự sát vì sợ phải gục xuống dưới lưỡi dao của phụ nữ.

Little Bighorn là trận chiến nhục nhã cuối cùng trong các ví dụ của Walsh. Những người lính trong trận Các Trận Chiến Cuối Cùng: Tại Sao Những Người Đàn Ông vẫn Chiến Đấu khi Tất Cả Đã Mất, nhà báo Michael Walsh của The Epoch Times đã đặt ra những câu hỏi này. “Chú nghĩa anh hùng là gì? Chúng tôi không phân biệt chất đạo đức nào? Đó có phải là vị người khác, tình yêu, và sự hy sinh quên mình? Mặt trái đạo đức là gì - sợ hãi sự hèn nhát, khát vọng danh tiếng, và sự kiêu hãnh? Tại sao chú nghĩa anh hùng từng được tôn vinh, mà giờ đây lại bị xem là lạc hậu, ngu ngốc và ngạo mạn?”

Lòng yêu nước

Trong “Các trận chiến cuối cùng”, Walsh chỉ ra rằng những người đàn ông tự trận vì tổ quốc của họ, không hẳn vì những lý tưởng dân chủ, mà vì gia đình, thị trấn và nông trại, cũng như những người họ yêu quý. Ngày nay, chúng ta ít nghe đến cụm từ “Mẹ, quốc kỳ, và bánh táo”, nhưng những người lính trong lịch sử của chúng ta đã công hiến cuộc đời



“Trận Cuối của Custer,” 1899, bởi họa sĩ Edgar Samuel Paxson. Phòng trưng bày Nghệ thuật Tây phương Whitney.



Trần Szigetvar khi Bá tước Zrinski, Phó vương của Croatia, và người của ông bảo vệ lâu đài Szigetvar trước sự bao vây của quân Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 1566. Buc tranh năm 1825 của Johann Peter Krafft. Phòng trưng bày quốc gia Hungary tại Budapest.

Nghĩa vụ, danh dự, và niềm tự hào Cả William Travis của Alamo nổi tiếng và Charles George Gordon (hay Gordon Trung Quốc), những người đã hy sinh để bảo vệ Khartoum năm 1885, đều có cơ hội rút lui trước khi bắt đầu trận chiến. Tuy nhiên, cả hai người đàn ông này đều cảm thấy cần phải giữ nguyên vị trí của họ khi đối mặt với nguy cơ thất bại lớn. Walsh viết những điều đó trong chương Alamo (1836): “Họ hy sinh cho những khái niệm trừu tượng nhưng cần bản nhất: nghĩa vụ, danh dự, tổ quốc.” Gordon cũng hy sinh cho những giá trị này, mặc dù người dân đất nước ông lúc bấy giờ là người Sudan và người Anh.

Trong trận Camarón năm 1863, một nhóm nhỏ Quân đoàn lê dương Pháp đã chiến đấu chống lại một lực lượng quân đội Mexico áp đảo. Walsh kể với chúng ta: “Những người Mexico chiến đấu vì tổ quốc của họ; các Quân đoàn chiến đấu vì danh dự của họ.” Một khẩu hiệu của Quân đoàn, thậm chí vẫn còn cho đến ngày nay, là Legio Patria Nostra – “Quân đoàn là tổ quốc của chúng ta” – và tại thời điểm đó, các chiến binh trong quân đoàn hầu hết đã hy sinh để giữ vững lý tưởng đó. Trận chiến kết thúc khi sáu người lính cuối cùng vẫn tiếp tục đứng vững và chiến đấu với quân đội Mexico bằng lưỡi lê của họ. Hai trong số đó bị giết, một bị thương nặng, và ba người còn lại bị bắt giữ.

Đến ngày nay, Quân đoàn lê dương Pháp vẫn tưởng nhớ và vinh danh những người đàn ông đó bằng một buổi lễ trang trọng vào ngày 30/04.

Những người lính như họ, và những người khác mà Walsh nghiên cứu, nhắc chúng ta nhớ rằng chiến đấu cũng có nghĩa vụ đối với đất nước của mình và đối với việc bảo tồn những truyền thống của chúng ta, rằng chúng ta cần sống với phẩm giá ngay cả trong cuộc sống thường nhật, rằng chúng ta tự hào về tinh thần Mỹ. Giống như những chiến binh đó, chúng ta phải bảo vệ những gì mà chúng ta yêu quý - không phải với lưỡi lê và đạn, mà với ngôn từ, sự thông minh hóm hỉnh, tin ngưỡng, và cấu nguyện.

Cùng chung chí hướng

Walsh đưa ra câu hỏi: “Tại sao những người đàn ông chiến đấu? Họ hy sinh vì ai hay vì điều gì?”

Đáp án của ông là: “Câu trả lời, như chúng ta sẽ thấy trong những trang sách này, đơn giản bất ngờ: họ chiến đấu vì chính họ, vì những đồng đội của em, vì những người phụ nữ và con em của họ, và vì đất nước họ - những gì đại diện cho gia đình.”

Những người Do Thái, vào năm 7 đã ngã xuống tại Masada khi chiến đấu với người La Mã, và 19 thế kỷ sau tại Warsaw khi chiến đấu với người Đức. Họ hy sinh để bảo vệ gia đình, bạn bè và đồng đội của họ. Những đội quân bị vây hãm ở Szigetvar: tất cả những người thiết mạng trong các trận chiến này đều chiến đấu và hy sinh vì đồng đội của họ và vì chính họ.

Trong những trận chiến chính trị trước mắt, chúng ta cần nhận thức được những người cùng chung chí hướng với chúng ta là những ai bảo vệ cho những chân lý cổ xưa: tự do, chân thật, lòng tốt, cái đẹp, và truyền thống. Bất kể màu da chúng ta là đen, trắng, hay nâu, giàu hay nghèo, chúng ta không thể cho phép bất cứ điều gì chia rẽ chúng ta, những người tin vào Giác ngộ Mỹ. Chúng ta là những người anh chị em cùng gắn kết tinh thần với nhau bởi niềm tin của chúng ta vào “quyền được Sống, được Tự do, và mưu cầu Hạnh phúc.”

Giống như với số người đã công hiến sinh mệnh cho chính nghĩa, chúng ta hãy tập hợp lại vì tình yêu đời với đất nước chúng ta và sát cánh bên nhau cho sự thật và công lý.

Tác phẩm: ‘Các Trận Chiến Cuối: Tại Sao Những Người Đàn Ông Chiến Đấu khi Tất Cả Đã Mất’ của Michael Walsh, Nhà xuất bản St. Martin, ngày 01/12/2020, 358 trang, bán cứng.

Nhà Liên biên dịch

Câu hỏi của Chúa – Phần 1/2: Tại sao Ngài đặt câu hỏi?

JAMES SALE

Thánh Augustinô từ lâu đã chiêm nghiệm rằng “bất kỳ điều gì xuất hiện trong Lời Chúa mà không đề cập về đạo đức hay chân lý của đức tin thì đều có phép ẩn dụ trong đó.” Tôi nghĩ từ khóa trong câu nói của Ngài mà chúng ta cần lưu ý chính là từ “ẩn dụ” – hay còn gọi là nghĩa bóng.

Tất nhiên, “Lời Chúa” có nghĩa là Thánh thư. Và chúng ta đều hiểu rằng Mười Điều Răn khuyên răn con người sống có đạo đức. Tương tự như vậy, nếu tìm hiểu sâu hơn các bức thư của Thánh Paul trong Kinh Tân Ước, ta sẽ thấy có rất nhiều ví dụ về những điều hình thành nên “chân lý của Đức tin”.

Bên cạnh rất nhiều Kinh sách đưa ra các nguyên tắc đạo đức và chân lý, còn có một kho tàng khổng lồ những câu chuyện thần thoại, ngụ ngôn, điển tích; tất cả các di sản này luôn chứa đựng những thông điệp ẩn dụ. Việc hiểu ý nghĩa ẩn dụ có dễ dàng, đơn giản không? Có, nhưng cũng không hoàn toàn chính xác! Trong Kinh Thánh tồn tại cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen và hàm ý của nghĩa bóng rất thâm sâu.

Một trong các vấn đề của nhóm người vô thần – đặc biệt là những người sùng bái tư duy khoa học (còn gọi là “người theo chủ nghĩa khoa học”) – họ kiên giải theo nghĩa đen nhưng trên thực tế lời nói đó lại có ý nghĩa ẩn dụ.

Không chỉ nhóm vô thần luận có nhận thức như vậy, trong thời Tân Ước những nhà lãnh đạo tôn giáo người Pharisees cũng giải nghĩa như thế. Một ví dụ điển hình là trong Phúc âm Mark (14:58), Chúa Jesus đã bị buộc tội khi nói rằng nếu “Đền thờ này” bị phá hủy, thì nội trong ba ngày Ngài sẽ xây một ngôi đền khác. Hàm ý của Chúa Jesus trong câu nói này là sự phục sinh của chính Ngài. Tuy nhiên, những kẻ tố cáo và thấy tế lệ cho rằng, chính là Ngài sẽ xây lại ngôi đền của Hê-rôt (vốn mất 46 năm để xây dựng, Giăng 2:20) trong ba ngày.

Nghiêm trọng hơn, có những nhóm nghệ sĩ có danh tiếng, họ dường như cũng không hiểu nghĩa bóng là gì (họ chỉ có thể diễn giải theo nghĩa đen). Tôi đang đề cập đến một ví dụ điển hình xuất hiện trong cuốn “Khải Huyền: Các Quan Điểm Cá Nhân đối với Kinh Thánh” (Revelations: Personal Responses to the Books of the Bible), xuất bản năm 2005, một số chuyên gia nổi tiếng ở các lĩnh vực khác nhau đã dùng hiểu biết cá nhân để diễn giải cho nhiều phần trong Kinh Cựu Ước và Tân Ước.

Những nhà văn “sáng tạo” có hiểu nghĩa bóng không?

Trong sách “Khải Huyền: Các Quan Điểm Cá Nhân đối với Kinh Thánh”, tôi rất ngạc nhiên khi tiểu thuyết gia nổi tiếng Louis de Bernières đàm luận về Sách Job (Sách đề cập về công lý của Chúa trước sự khốn khổ của loài người) và tuyên bố: “Chúa trong câu chuyện (về Job), không phải là một đấng toàn tri (bởi vì Ngài hỏi Satan rằng ông ta đã làm gì)...” Đây là một tuyên bố khá mạnh bạo chống lại Chúa, và không có gì ngạc nhiên khi phần còn lại của bài viết thực sự là con dao đâm vào Chúa và thánh danh của Ngài.

Nhưng bỏ qua những lời cáo buộc chống lại Đức Chúa Trời mà ông Bernières đã đưa ra, chúng ta làm gì khi xuất hiện việc kháng định Đức Chúa Trời không thể toàn tri vì Ngài đã đặt câu hỏi cho Satan?

Tại đây, chúng ta trở lại với việc hiểu nghĩa bóng. Bất cứ ai đã thực sự đọc và nghiên cứu Kinh Thánh sẽ biết rằng việc Chúa đặt câu hỏi không có nghĩa là Ngài mất đi sự toàn tri. Và để thấy điều này trong thực tế, chúng ta hãy xem xét một số chi tiết trong lần đầu tiên Chúa đặt câu hỏi. Tinh huống sẽ vô cùng quen thuộc với quý vị.

Trong Chương 3, sách Sáng Thế Kỳ (Genesis), chúng ta thấy Adam và Eva trong Vườn Địa Đàng vừa ăn trái cây biết thiện ác (trái cấm). Khi nghe bước chân Chúa đi vào vườn, họ liền trốn tránh Ngài. Câu hỏi đầu tiên của Chúa là “Con đang ở đâu?” và hai câu tiếp theo là: “Ai đã chỉ cho con biết mình trần trụi? Có phải con đã ăn trái cây mà Ta cấm đó không?”

Vậy thì ai dựa vào ba câu hỏi trên có thể nghĩ rằng Đức Chúa Trời đã không biết câu trả lời? Ngôn ngữ luôn có hàm ý, nghịch lý thay, nó là chân lý! Chúng ta chỉ có thể hiểu sâu hơn thảm họa xảy ra đối với loài người thuo sơ khai – sai lầm của sự mong muốn, sự Sa Ngai – thông qua thơ ca. Chỉ có thơ ca, tức là thông qua ngôn ngữ tượng hình chúng ta mới có thể hiểu được một cách sâu xa nghĩa ẩn dụ của Đức Chúa Trời hoặc là tư duy của các nhà thông thái.

Nguyên nhân cho những câu hỏi của Chúa

Vì vậy, chúng ta đặt ra hai câu hỏi. Câu đầu tiên: Tại sao Chúa đặt câu hỏi khi Ngài biết câu trả lời? Tôi nghĩ rằng, giải đáp câu hỏi này giúp chúng ta hiểu sâu hơn về hàm ý thâm sâu trong những truyện hay huyền thoại mà ban đầu tưởng chừng như đơn giản.

Điểm đầu tiên là họ thấy sự hiện



“Sự khai hoàn của Thánh Augustinô” 1664, do Claudio Coello vẽ. Bảo tàng Prado.

Mục đích các câu hỏi của Chúa là luôn khiến họ tự nhận thức, tự giải thoát bản thân khỏi tình trạng khó khăn của chính mình.

diện của Chúa “trong bóng mát ban ngày” (chú ý, không phải trong trạng thái của sự nhiệt huyết hay cảm hứng) mà phân nào giống như tiếng nói của lương tâm: Họ biết họ đã làm điều sai; họ biết như vậy, nhưng họ vô minh và muốn che giấu điều đó. Tất nhiên là không thể che giấu. Nếu chúng ta không dám đến bên Chúa, thì Ngài sẽ đến, bước đi về phía chúng ta.

Sau đó, trong cuộc gặp gỡ riêng tư này, chúng ta thấy Đức Chúa Trời – biết rõ đáp án cho các câu hỏi của chính Ngài – đang thực hiện công việc “hướng dẫn” theo ngôn ngữ của con người hiện đại ngày nay. Vâng, Chúa là bậc thầy toàn năng.

Vậy bậc thầy làm gì? Bằng cách đặt những câu hỏi, người được hỏi tự tìm cách trả lời từ nội tâm họ, nhưng họ dường như không thể tiếp cận được câu trả lời nếu không có sự trợ giúp. Mục đích các câu hỏi của Chúa là luôn khiến họ tự nhận thức, tự giải thoát bản thân khỏi tình trạng khó khăn của chính mình.

Chúng ta có thể thấy điều này được lặp lại nhiều lần trong Kinh Thánh. Ví dụ, những câu hỏi tiếp theo của Chúa nằm trong chương 4 Sách Sáng Thế: Tại sao Cain quá cảm tức và sắc mặt sa sầm? Nếu như Cain làm tốt, liệu rằng về mặt của ông ta có rạn rở không? Tại đây, một lần nữa, Chúa đang hướng dẫn Cain, cho ông ta những cơ hội sửa chữa sai lầm. Và tất nhiên, Ngài cũng biết rằng sự dẫn dắt này sẽ thất bại. Cain sẽ đi theo con đường của riêng mình.

Theo một cách nào đó, trái ngược với những kết luận của ông Bernières, Kinh Thánh là một bản ghi chép khiến con người không thể tự bào chữa, vì bất

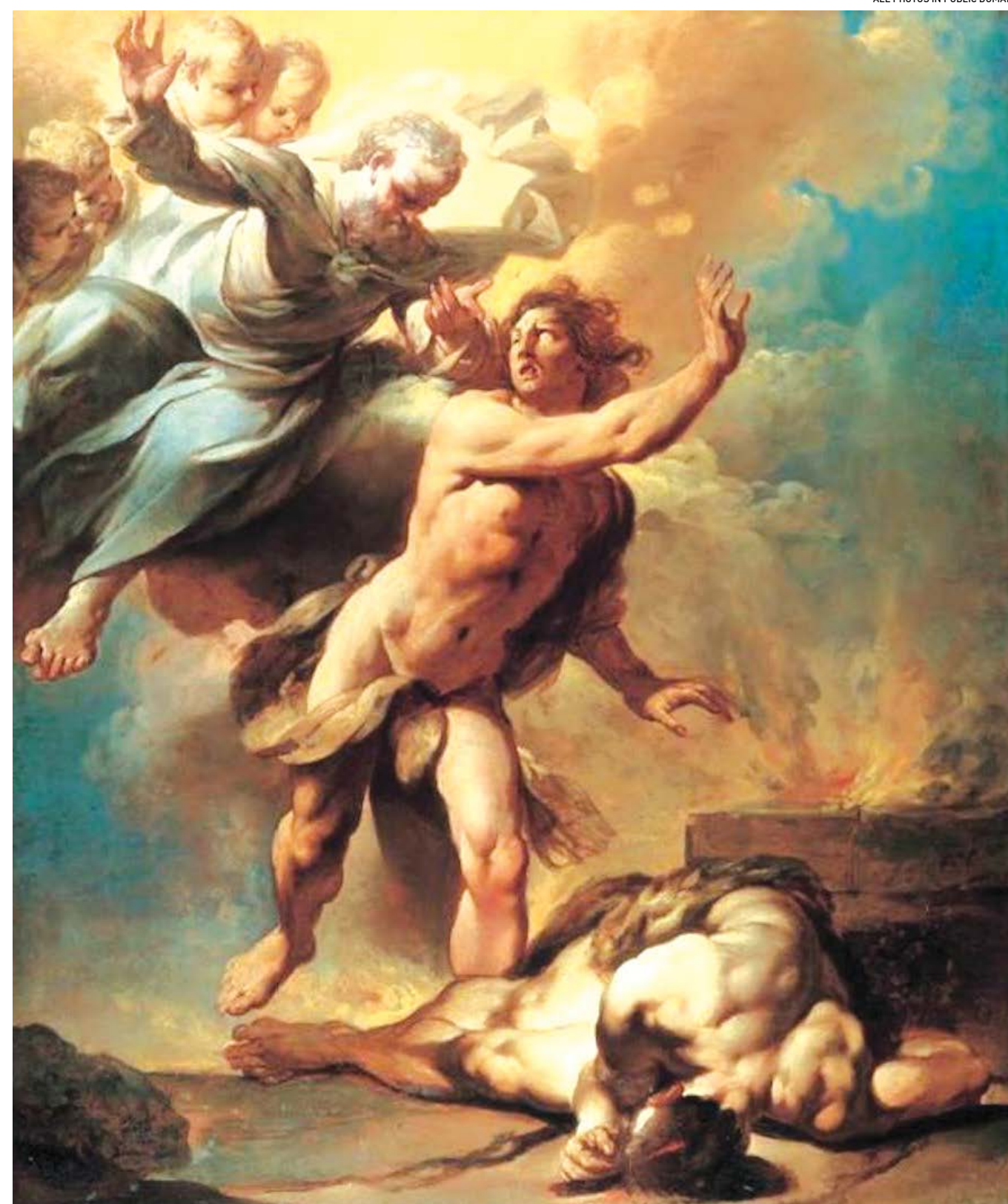
chấp những lời cảnh báo và mọi hướng dẫn, con người vẫn có xu hướng đi theo nhận thức cá nhân. Điều này cũng được phản ánh trong các câu chuyện thần thoại trên thế giới (ví dụ: Chiếc hộp Pandora), giải thích cho sự tà ác và tình trạng tiến thoái lưỡng nan chúng ta đang phải đối mặt hiện nay. Bên trong những câu chuyện như vậy luôn ẩn chứa những hàm ý sâu xa.

Nhưng điều đó dẫn đến câu hỏi thứ hai được cho là liên quan giữa việc Đức Chúa Trời đặt câu hỏi và sự toàn tri của Ngài. Cũng giống như cách chúng tôi nêu lên vấn đề nghiên cứu không đầy đủ về Kinh Thánh của ông Bernières, bản thân chúng ta cần phải tìm ra giải pháp cho chính mình. Câu hỏi thứ hai liên quan đến thực tế là câu hỏi của Chúa không phải là câu hỏi đầu tiên xuất hiện trong Kinh Thánh. Chúng ta thấy rằng câu hỏi đầu tiên trong lịch sử loài người (hiểu theo nghĩa bóng) được đặt ra bởi một nhân vật khác cũng xuất hiện trong Sách Job: đó là Satan.

Phần 2 của bài viết này sẽ diễn giải câu hỏi đó, về nhân vật ấy cũng như ý nghĩa mà Satan ám chỉ cho chúng ta trong thế giới hiện đại, nhưng phải diễn giải theo nghĩa bóng mới có thể hiểu thấu.

Tác giả James Sale đã được xuất bản hơn 50 cuốn sách, cuốn gần đây nhất là “Mapping Motivation for Top Performing Teams” (Routledge, 2021). Ông giành giải nhất trong cuộc thi thường niên The Society of Classical Poets 2017 và được trình diễn ở New York vào năm 2019.

Thuần Thanh biên dịch



Sau khi Chúa khước từ sự dâng lễ của Cain, Ngài cảnh báo Cain không theo những điều bất chính, nhưng Cain không chú tâm đến lời dạy của Ngài. Bức “Cain và Abel” của Giovanni Domenico Ferretti vẽ năm 1740.



Trước khi Đức Chúa Trời khiển trách Adam và Eva, Ngài đã đặt câu hỏi cho họ. “Sự khiển trách Adam và Eva” (The Rebuke of Adam and Eve), tranh của Charles Joseph Natoire vẽ năm 1740. Bảo tàng nghệ thuật Metropolitan.

Chúa và Satan đang nói về Job, một bản thảo kỹ 16.

Thông điệp về một thế giới tốt đẹp của Franz Schubert

RAYMOND BEEGLE

Schubert nhỏ nhắn! Ông cao không quá năm feet (1.5 mét), người đậm, giản dị, và chỉ thọ 31 tuổi. Một số lá thư ông để lại cho thấy một tâm hồn hiền lành, nhiệt thành, không biết giận hờn và cũng chẳng hề giả tạo. Ông là sứ giả của vẻ đẹp và thiên chí vô bờ của âm nhạc. Trong vòng 18 năm ông đã sáng tác vô số bản giao hưởng, sonate, tác phẩm thính phòng và bài hát với sự phong phú độc nhất vô nhị. Bạn bè gọi ông là “Schwammerl” (Cây Nấm Nhỏ) và kể rằng ông đeo kính khi ngủ để có thể bắt đầu sáng tác ngay khi thức giấc.

Một nhạc sĩ khao khát những điều cao cả hơn

Schubert (1797-1828) tuy không nổi tiếng vào thời đại đó như Beethoven, người chỉ sống cách đó vài đây nhà, nhưng ông có một nhóm bạn bè gồm các nhạc sĩ, nhà thơ, và họa sĩ danh tiếng của Vienna.

Nhóm người này chỉ chú tâm vào công việc của họ, và dường như không để ý đến những sự kiện lịch sử đầy biến động diễn ra xung quanh. Việc quân đội của Napoléon chiếm đóng thành phố, Đại hội Vienna xảy ra sau đó, và việc chính phủ đàn áp Metternich dường như không có bất kỳ ý nghĩa hay ảnh hưởng nào với họ, vì họ dồn hết tâm trí vào hội họa, thơ ca và âm nhạc. Điều đó khiến người ta đặt câu hỏi về tính trọng yếu của các sự kiện quan trọng này. Có ít người biết rõ về chiến tranh Napoléon, Đại hội Vienna, hay Klemens von Metternich, nhưng hầu như mọi người đều biết đến tác phẩm “Ave Maria” của Schubert!

Chúng ta chỉ biết đến một số sự kiện về cuộc đời của nhà soạn nhạc, nhưng trên dưới 700 bài hát và các tác phẩm thanh nhạc khác của người đàn ông vĩ đại và khiêm tốn này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ về những điều ngự trị trong trái tim ông hơn bất kỳ tiểu sử nào ghi chép. Sự trong sáng, rang rỡ, vẻ đẹp chân chất đã lấp đầy trái tim ông, cũng như lòng tốt và sự khao khát những điều cao cả hơn. “Ôi, Mozart! Người đã để lại bao nhiều thông điệp về một thế giới tốt đẹp hơn trong tâm hồn chúng tôi!” ông đã viết như vậy trong nhật ký của mình.

Đề tài âm nhạc của Schubert

Bốn chủ đề nổi bật trong thể loại “lieder” của Schubert, những chủ đề dường như đã liên tục chiếm lấy tâm trí ông là: số phận con người, con đường của trái tim nhân loại, sức mạnh của vẻ đẹp, và cuối cùng là mối liên hệ của linh hồn với Chúa. Tuy nhiên, người ta nhìn thấy sự hiện diện của đức Chúa Trời trong tất cả các tác phẩm của ông. (*Chú thích: “lieder: là một dạng bài hát phổ trí những bài thơ lãng mạn tiếng Đức, dành cho hát đơn ca với phần đệm piano*)

Từ năm 19 đến 24 tuổi, Schubert quan tâm đến chủ đề số phận của con người; thể hiện qua các sáng tác dựa trên bối cảnh bài thơ tuyệt vời của Goethe “Song of the Spirits Over the Waters” (tạm dịch: “Bài Hát của Các Linh Hồn Trên Mặt Nước”). Schubert tin rằng linh hồn của ông đến từ thiên thượng và ông sẽ quay trở lại đó, và rằng số phận của ông trên Trái Đất là không thể tiên lượng trước; nó có thể thay đổi như gió. Goethe viết: “Linh hồn của con người, giống như nước, nó đến từ thiên đường và rồi lại trở về thiên đường. Số phận của con người, sao mà giống như gió!”

Khi còn ở tuổi thiếu niên, Schubert đã sáng tác về chủ đề tình yêu, về những đam mê cháy bỏng, và về việc tình yêu đã dâng đưa chúng ta đến những xúc cảm cao cả và sâu thẳm như thế nào. Trong “Gretchen at the Spinning Wheel” (tạm dịch: Gretchen tại Guồng Quay Tơ), từ tác phẩm kịch “Faust” của Goethe, Gretchen - người đã bị Faust trẻ trung dùng cám dỗ rơi - hát: “Tôi đã đánh mất sự bình yên của mình và sẽ không bao giờ tìm lại được nữa. Trái tim tôi khao khát anh ấy biết bao! Giá



“Franz Schubert”, 1825, của Wilhelm August Riederer (1796-1880). Tranh sơn dầu trên nền màu nước, 1825, Bảo tàng Lịch sử Thành phố Vienna.



Bản sao bức tranh “Schubert và những người bạn”, của Carl Rohling; Franz Peter Schubert bên cây đàn dương cầm được bao quanh bởi một nhóm người, vào khoảng năm 1820.

Điều đáng kinh trọng ở Schubert – đó là sự chân thành của ông – một phẩm hạnh cần có ở người ca sĩ. Nếu không có sự chân thành, thì giọng hát là giả tạo.



Hình ảnh Bản thu âm gắn dây của Tenor Peter Gijbsbertsen “Nacht und Träume”.

như tôi có thể ôm và hôn anh ấy như tôi hàng mong muốn!” Người ta ngạc nhiên về sự hiểu biết của Schubert về ca từ đầy chất thơ, cũng như tự hỏi người mà chàng thiếu niên đầy nhiệt huyết này đang nghĩ đến là ai.

Phần lớn lời các bài hát của Schubert được đặt theo các văn thơ, tôn vinh các hiện tượng bí ẩn và khó xác định mà chúng ta gọi là vẻ đẹp. Vẻ đẹp được ngợi ca của thiên nhiên cũng như những tác phẩm do chính bàn tay con người tạo nên mà chúng ta gọi là nghệ thuật. “Nghệ thuật yêu dấu, vào những thời điểm tâm tối, bạn đã sưởi ấm trái tim tôi và đem tôi đến một thế giới tốt đẹp hơn!” lời hát trong tác phẩm của ông “To Music” (tạm dịch: Gút Âm Nhạc).

Từ duy sâu lắng về thiên nhiên dẫn đến việc suy ngẫm về Đấng Tạo Hóa. “The Almighty” (tạm dịch: Đấng Toàn Năng), có lẽ là bài hát hay nhất của Schubert; đó là một bức chân dung kỳ diệu mô tả tâm hồn của Schubert một cách sâu sắc. Đó là một bài ca về sự kỳ diệu, đức tin tự nhiên, và tình yêu thương vô bờ bên dành cho Đấng Sáng Tạo: “Đức Jehovah Vĩ Đại! Trời đất chứng thực quyền năng của Ngài! Quý vị nghe thấy điều đó trong sấm sét, nhìn thấy điều đó trên bầu trời đầy sao, cảm nhận điều đó trong nhịp đập của trái tim mình!”

Bài hát “The Infinite One” đề cập trực tiếp đến Chúa. “Trái tim tôi thăng hoa biết bao khi nghĩ về Người, Đấng Tối Cao! Nhưng cơn gió ào qua khu rừng, sấm sét vang dội trên tầng trời - chính là Đức Chúa Trời mà quý vị ngợi ca!”

Người trình diễn xuất sắc tác phẩm của Schubert

Điều đáng kính trọng ở Schubert - đó là sự chân thành của ông - một phẩm hạnh cần có ở người ca sĩ. Nếu không có sự chân thành, thì giọng hát là giả tạo; giống như vẻ đẹp được miêu tả chân thực đến từng chi tiết trên bản nhạc, nhưng lại vô hồn như hình nộm bằng sáp của Madame Tussauds. Tiểu thuyết gia vĩ đại người Mỹ Willa Cather đã viết rằng “Nghệ thuật là sự tinh luyện của đức tính chân thành. Chỉ có kẻ ngu ngốc mới tin rằng trời nên chân thành là điều dễ dàng; chỉ có nghệ sĩ vĩ đại mới biết nó khó khăn đến nhường nào.”

Bạn không thể hát về thiên nhiên nếu bạn không có sự gắn kết với nó. Bạn không thể hát về trái tim con người nếu bạn chưa từng trải qua đau khổ sâu sắc, hoặc là chưa từng đau khổ tràn niềm hân hoan. Bạn không thể hát về Chúa nếu bạn không tìm kiếm Ngài và yêu Ngài.

Ngày nay, người trình diễn tốt nhất các bản nhạc của Schubert là giọng nam cao người Hà Lan Peter Gijbsbertsen. Tôi biết đến anh từ bản thu âm “Nacht und Träume” (Đêm và những giấc mơ). Đó là một biểu diễn điển các bài hát của Schubert.

Anh Gijbsbertsen đem đến cảm xúc của sự tự nhiên và một mạch trong các tác phẩm, khiến người nghe cảm nhận rằng bài hát đã được đồng cảm, và trở thành của riêng anh ấy. Giọng hát của nghệ sĩ Gijbsbertsen quả là tuyệt “đẹp”, sang trọng, âm vực rộng và đa âm sắc. Khi anh biểu diễn thì dường như bất cứ bài nào cũng là bài hát anh yêu thích nhất, như thể là lần đầu tiên anh được trải nghiệm sức mạnh và vẻ đẹp của nó vậy.

Anh Gijbsbertsen đứng chung hàng ngũ với những nghệ sĩ vĩ đại được liệt kê dưới đây, ai trong số họ cũng là những người kể về sự thật chân thành, những người khiến chúng ta phải thay đổi một số từ trong nhật ký của nhà soạn nhạc được trích dẫn ở trên thành: “Ồi Schubert! Người đã để lại bao nhiêu thông điệp về một thế giới tốt đẹp hơn trong tâm hồn chúng tôi.”

Tác giả Raymond Beegle là nghệ sĩ dương cầm, ông cộng tác biểu diễn với các phòng hòa nhạc lớn của Hoa Kỳ, Âu Châu và Nam Mỹ; ông đã viết cho The Opera Quarterly, Classical Voice, Fanfare Magazine, Classic Record Collector (Anh) và New York Observer. Ông đã giảng dạy trong khoa âm nhạc thính phòng của Trường Âm nhạc Manhattan trong 28 năm qua.

Ngọc Anh biên dịch



ALL PHOTOS COURTESY OF THE METROPOLITAN MUSEUM OF ART

Cảnh sắc Trung Hoa yên bình

ANTONY YUEFENG WU

Vào một đêm thu cuối thế kỷ 16, một vị quan học giả thời Minh (1368-1644) là Lý Mãn Phiêu (Li Minbiao, 1515-1581) ghé thăm nhà người bạn có một cuộn tranh phong cảnh nhỏ của danh họa Triệu Viên thời Lý. Triệu Viên sống cách thời của Lý Mãn Phiêu hai thế kỷ. Theo cách vẽ thời đó, mỗi bức tranh sẽ có một khung trống lớn ở bên trái dành để đề thơ; đó là khoảng trống dành cho những cao nhân để lời bình của họ về tác phẩm nghệ thuật mà họ thưởng thức. Vì rất có ấn tượng với bức tranh của danh họa họ Triệu, vị quan họ Lý đã đề một bài thơ ngắn để diễn tả trải nghiệm thân thánh của mình khi thưởng tranh:

“... Trong một ngày bận bịu nơi trần tục
Ta bất gặp cảnh núi sông hiền hiện trong tranh
Làn sóng mát lạnh, tâm trí ta bỗng nhiên sáng tỏ
Sương gió khác nghiệt, những chiếc lá lia cảnh...”

Ông Lý là một văn nhân, nhờ học tài và vượt qua các kỳ thi của triều đình mà lên làm quan. Trong thơ, ông ca ngợi tài năng xuất chúng của người họa sĩ khi có thể khác họa từ chi tiết của phong cảnh tập trung trong một bức tranh chỉ cao vơn vện hơn hai tấc (8 inch). Ông đã ghi lại cảm xúc thư thái, bình yên đặc biệt của

mình khi thưởng tranh.

Dù chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi, nhưng việc chiêm ngưỡng bức tranh của họa sĩ họ Triệu giúp ông thoát ra khỏi cuộc sống bận rộn trần tục vốn đang ám ảnh tâm trí ông. Khi trực tiếp ngắm nhìn, ông có thể đắm mình trong tranh và cảm nhận sự yên bình của dòng suối, những ngọn núi, cỏ cây hoa lá, và một không gian tĩnh mịch vắng vẻ - một lối sống ẩn mình giữa thiên nhiên mà nhiều văn nhân như ông mong ước.

Nghệ thuật trong thời loạn
Vị họa sĩ họ Triệu cũng là một văn nhân, nhưng ông sống trong thời đại đầy hỗn loạn, khi Trung Quốc dưới quyền cai trị của triều đình Mông Cổ (1271-1368).

Ông đặc biệt nổi tiếng với bức tranh, do ông vẽ theo phong cách tranh phong cảnh truyền thống phổ biến thời đó. Dưới thời Đường (618-917) và thời Tống (960-1279), loại hình nghệ thuật này dần trở thành cách thức thể hiện khát vọng của tầng lớp trí thức với thiên nhiên và mong muốn thoát khỏi thế giới trần tục, để tìm kiếm một cảnh giới tâm linh cao hơn.

Tuy nhiên, triều đình nhà Tống lâm vào cảnh tham nhũng trầm trọng và cuối cùng phải nhường quyền thống trị cho người Mông Cổ; con đường sự nghiệp của những Nho sĩ trở nên nhỏ hẹp dần. Cuối cùng, hoài bão quan trường của họ ngày càng mờ nhạt,

và những văn nhân khát khao một cuộc đời thoát tục.

Họ từng nghĩ rằng nhờ học hành gian khổ, họ có thể làm quan cao trong triều đình, rồi góp phần xây dựng một triều chính công minh; nhưng lý tưởng này không trở thành hiện thực. Những học giả từng giữ các chức vụ quan trọng trong triều đình giờ mong muốn sống một cuộc đời ẩn dật. Họ luôn cố gắng tu dưỡng suy nghĩ và hành động của bản thân và gia đình sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức truyền thống. Nguyên vọng của họ về một cảnh giới yên bình được thể hiện thông qua các thú vui tao nhã như thi ca, thư pháp, và hội họa - đặc biệt là tranh phong cảnh, bởi sự tĩnh lặng trong tranh phản ánh trạng thái tâm trí yên bình của họ.

Bức “Phong Cảnh” của Triệu Viên

Cũng như nhiều thể loại khác, bức “Phong Cảnh” của Triệu Viên (Zhao Yuan) không có nhan đề. Ông đã vẽ theo phong cách phong cảnh truyền thống được hoàn thiện vào thời Tống, nhưng ông thêm vào đó nghệ thuật biểu đạt của thư pháp, một loại hình nghệ thuật mới đặc trưng của thế kỷ 14.

Hình ảnh thiên nhiên hùng vĩ đầy lời cuốn hút phản với sự tĩnh lặng của con người, được thể hiện qua cảnh tượng những ngọn núi tuyệt đẹp ở trung tâm, bao quanh một đỉnh thự yên tĩnh. Được bao bọc trong sự thanh hoa kỳ diệu của thiên nhiên, con người nhỏ bé trở nên tự tại, thanh thản, dường như không vướng chút bụi trần.

Một người ngồi đọc sách trong căn chòi, một người chậm rãi đi lại trong sân, người còn lại tản bộ thong dong trong rừng và có lẽ đang lắng lẽ ngắm cảnh. Quá thật, khi thưởng tranh, người xem như đắm mình vào trong cảnh vật - vào một thế giới có làn gió nhẹ lướt qua những tán lá, có dòng suối chảy quanh, chim hót líu

lo, và khu rừng tràn ngập hương thơm của đất. Bức tranh khiến tâm trí người xem trở nên trầm lắng.

Một cuộn tranh, hai tác phẩm

Gán trên cùng cuộn tranh đó là một tác phẩm cùng thời của Thần Tấn (Shen Xun), về một bụi tre bên bờ hồ. Tác phẩm hoàn toàn không có sự hiện diện của con người, mà có dãy núi mờ ảo phía đằng xa.

Theo một lời bình khác, hai bức tranh được đặt chung vào năm 1562 do “những điểm tinh tế tương đồng về khí chất và phong vị”, mặc dù chủ đề và bố cục hình ảnh của chúng hoàn toàn khác nhau. Bức tranh phong cảnh của Triệu Viên có rất nhiều chi tiết, lấp đầy không gian trong tranh, trong khi bức rặng tre của Thần Tấn thì thanh thoát và nhẹ nhàng, với không gian rộng rãi khoáng đạt.

Cả hai bức tranh được ghép lại với nhau do sự tương đồng về họa cảnh, về cảm giác bình yên dem lại cho người thưởng tranh. Sự tĩnh lặng của rặng tre và sự tĩnh tại của những người trong tranh dường như cất lên một ngôn ngữ chung, nhằm truyền tải sự an nhiên mà những nghệ sĩ-văn nhân ẩn dật đã trải qua: Họ có thể đạt được trạng thái tự tại với thiên nhiên, với trí thức và nghệ thuật, và trong thời khắc đó, danh vọng hay tiền tài không còn quan trọng.

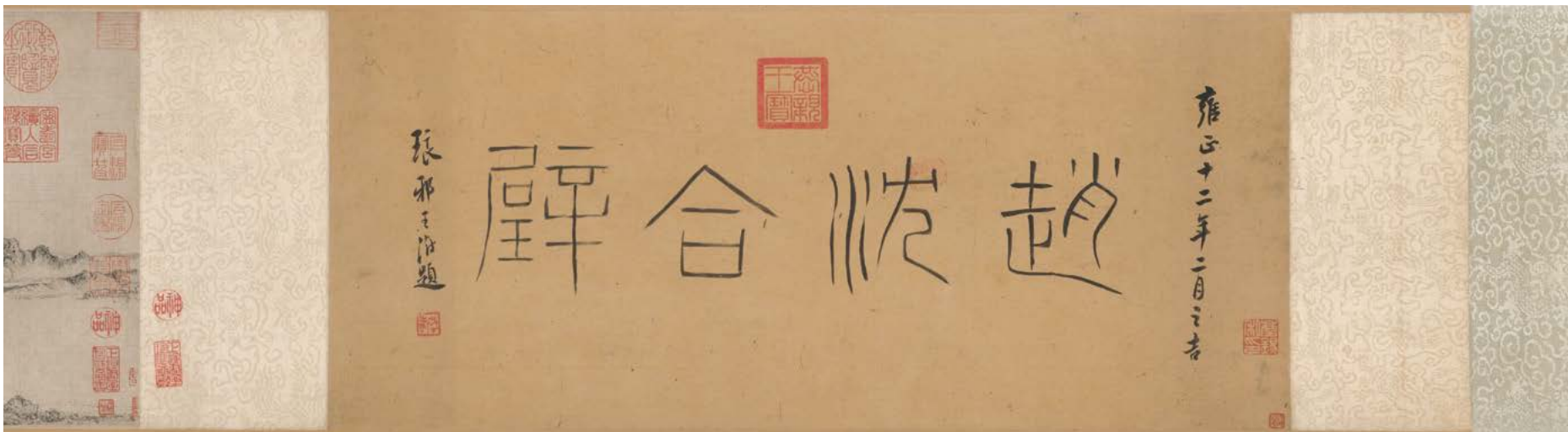
Do đó, hai họa sĩ đã thể hiện cảnh giới tinh thần của họ trong tác phẩm. Chỉ có những tâm hồn thanh tịnh mới thể hiện được chiều sâu của sự tĩnh lặng như vậy trong tranh. Trên thực tế, sự thanh tịnh này đã khiến những khán giả ở thế kỷ 16 cảm động đến mức họ quyết định gắn hai bức tranh lại với nhau.

Năm 1734, một học giả đã quyết định để bốn chữ viết theo phong cách cổ xưa để kỷ niệm việc hai bức tranh được kết hợp lại với nhau là “Triệu Thần trùng phùng”.

Thuần Thanh biên dịch

▲
ẢNH TRÊN: “Phong Cảnh” (Landscape), cuối thế kỷ 14, của Zhao Yuan.

▲
ẢNH DƯỚI: “Rặng tre” (Bamboo Grove), tranh của Thần Tấn, cuối thế kỷ 14



▲
“Tựa đề” (Frontispiece), do Vương Thư (Wang Shu) viết năm 1734.

Thắng cảnh trong tranh truyền thống Nhật Bản

LORRAINE FERRIER

Để hình dung một đất nước Nhật Bản với bề dày lịch sử và truyền thống, năm 2019 Bảo tàng Nghệ thuật Đại học Princeton đã tổ chức triển lãm “Thắng cảnh trong tranh Nhật Bản”. Đây là cơ hội “kết nối với một trong những truyền thống quan trọng nhất trong lịch sử nghệ thuật Nhật Bản”, giám đốc Bảo tàng Nghệ thuật Đại học Princeton, James Stewart cho biết trên trang web TownTopics.

Qua các sách minh họa, tranh in mộc bản, tranh vẽ, và ảnh chụp, gần 40 tác phẩm nghệ thuật từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 21 khám phá những địa điểm Nhật Bản dù trong tưởng tượng hay trên thực tế theo những cách khác nhau.

Triển lãm nghệ thuật truyền thống vẽ các danh lam thắng cảnh ở Nhật Bản được chia thành ba chủ đề chính: “Địa danh tưởng tượng”, “Địa danh nổi tiếng” (meisho 名所), và “Địa danh linh thiêng” (reijō 霊場).

Người phụ trách cuộc triển lãm, Andrew M. Watsky, giáo sư nghệ thuật và khảo cổ học Nhật Bản tại Princeton, mô tả những khoảnh khắc khi thấy những bức tranh này ở trước mặt: “Giống như mọi khi tôi tuyên chọn các cuộc triển lãm, đó là một sự ngạc nhiên tuyệt vời khi nhìn tận mắt các tác phẩm, lớn và nhỏ. Ví dụ, mỗi khi tôi bước vào một phòng triển lãm tranh, thì có ngay ấn tượng khi nhìn những màn hình khổng lồ với bề rộng bao trùm cả bức tranh, thể hiện từng nét vẽ mượt mà và sống động. Qua nhiều lần như thế, tôi lại càng cảm thấy hối hận khi được nhìn thấy trực tiếp tác phẩm nghệ thuật,” anh nói trong một email.

Địa danh tưởng tượng trong nghệ thuật Nhật Bản

Không có nhiều các tác phẩm nghệ thuật Nhật Bản được tạo ra từ đời thực, mà hầu hết đến từ trí tưởng tượng của các nghệ sĩ. Những tưởng tượng này có thể được truyền cảm hứng từ các loại hình nghệ thuật khác hoặc một tác phẩm hư cấu khác, nhưng đa phần là chịu ảnh hưởng từ nghệ thuật Trung Hoa mà người Nhật rất xem trọng.

Ông Caitlin Karyadi, người đồng phụ trách triển lãm và là một người theo học chương trình Tiến sĩ tại Đại học Princeton, cho biết trên trang web của Bảo tàng Nghệ thuật Princeton rằng người Nhật xem Trung Hoa là nguồn cội của nền văn hóa chính thống. Vì không thể đến thăm Trung Hoa, “Các nghệ sĩ Nhật Bản đã áp ụ



“Sơn Thủy”, 1828, thời Edo (1615–1868), Tani Buncho 谷文晁. Hai tấm bình phong gấp sáu, mực và vàng lá trên giấy, kích thước mỗi tấm 1.74 m x 3.52 m.



“Đền Tenjin,” thời Edo (1615–1868), Reigen Eto 齋藤 慧桃. Tranh cuộn, mực trên giấy, 100 x 28 cm.



“Hoa”, 1806, thời Edo (1615–1868), Tachihara Kyosho. Tranh cuộn, mực trên giấy, 29x33cm.



“Tập tranh Mây trắng và Mây màu”, thời Meiji (1868–1912), Fukuda Kodojin. Hai tập tranh, mực và màu trên lụa, 32x40 cm.

“Cầu treo tại Biên giới tỉnh Hida và Etchu”, khoảng năm 1834, thời Edo (1615–1868), Katsushika Hokusai 葛飾 北斎. Tranh in mộc bản (kích thước in theo bản yoko-e), mực và màu trên giấy, 26x39 cm. Quý Laura P. Hall Memorial Fund và Mary Trumbull Adams Art Fund.



hàng thế kỷ luyện vẽ và tạo ra cách diễn dịch của riêng họ về một Trung Hoa trong trí tưởng tượng.”

Hội họa truyền thống Nhật Bản vẽ dòng tranh “sơn thủy”, ngày nay thường gọi là tranh “phong cảnh”, vay mượn các họa tiết và thủ pháp từ tranh sơn thủy Trung Hoa. Tranh sơn thủy Nhật Bản không chỉ giới hạn ở việc vẽ núi non sống nước mà bao gồm cả cây cối, đá, hoa, nhà cửa và con người.

Bức tranh của Tachihara Kyosho (1785–1840) cho thấy hình ảnh hiếm hoi một họa sĩ Nhật Bản đang làm việc: Người họa sĩ ở trong nhà đang vẽ tranh theo trí nhớ; có lẽ ông đang vẽ một nơi đã từng ghé thăm hoặc ông đang vẽ một bức tranh mà ông đã nghiên cứu hoặc thấy trước đây, ông Karyadi cho biết.

Bàn tay, tâm trí, và bút pháp

Bút pháp của một họa sĩ đóng vai trò rất quan trọng. Những bức tranh vẽ bằng mực đen được đánh giá cao, phần lớn là vì có thể bộc lộ rõ bút pháp của người vẽ. Trái lại, cũng bức vẽ đó mà được tô nhiều màu sắc, được vẽ bằng các màu khoáng mớ, dày đặc thì ít nhiều che đi bút pháp của họa sĩ.

Có vẻ được làm từ lông thú, dù bền chắc và uyển chuyển để thể hiện những chuyển động truyền thần từ bàn tay và tâm trí của họa sĩ. Mỗi nét mực trên giấy hoặc lụa để lại một ấn tượng về tác giả; mực vẽ không chỉ đóng vai trò như chất vẽ một nơi đã từng ghé thăm hoặc ông đang vẽ một bức tranh mà ông đã nghiên cứu hoặc thấy trước đây, người họa sĩ.

Trong bức tranh “Tháp Thoảng

Cảnh Đẹp Bốn Mùa” của Kano Eitoku Tatsunobu (1814–1892), các khối đá lớn chồm và các chi tiết mặt đá tinh xảo gợi nhớ đến hội họa Trung Hoa cổ đại uyên thâm. Kano tôn trọng các quy tắc truyền thống được lưu truyền từ xưởng vẽ gia truyền lâu đời của ông, chính là các quy tắc trên nền tảng nghệ thuật hàn lâm Trung Hoa cổ đại. Kết quả là ông đã sáng tạo ra một bút pháp sống động đan xen các nét vẽ thanh thoát nhẹ nhàng.

Có thể thấy sự tĩnh lặng trong tranh của Tani Buncho, mặc dù bút pháp của ông tương phản với Kano. Tani (1763–1841) thường dùng nét vẽ truyền thần mang tính cá nhân. Hiệu ứng của những chuyển động sống động này thêm phần hiệu quả

vì mực không thể xuyên qua giấy kim loại, vàng lá. Mặc dù bút pháp của ông hàm chứa sự chuyển động, nhưng không có cái động nào trong bức tranh: Những chiếc thuyền đứng yên bất động, ánh sáng vàng ấm áp, hoàn toàn không thể biết nơi đây đang ở mùa nào trong năm.

Tuy nhiên, các mùa chắt chắt chiêm một vị thế trong nghệ thuật Nhật Bản. Các bức tranh thường thể hiện tất cả các mùa trong một khung cảnh, chẳng hạn như bức tranh vẽ núi của Kano trong “Tháp thoảng cảnh đẹp bốn mùa”.

Thơ văn và chủ đề trong nghệ thuật Nhật Bản

Truyền thống giữ vai trò chủ đạo trong nghệ thuật Nhật Bản. Các họa tiết đóng vai trò như kiểu ngôn

ALL PHOTOS COURTESY OF PRINCETON UNIVERSITY ART MUSEUM



“Hồ Sen Kannon,” thời Edo (1615–1868), Hakuin Ekaku 白隠 慧鶴. Tranh cuộn, mực và màu trên giấy, 44 x 14 cm.

BÊN TRÊN - TRÁI: “Nachi Pilgrimage Mandala,” thời Momoyama (1568–1600), vô danh. Tranh cuộn, mực và màu trên giấy, 1,6 x 1,7 m.

BÊN DƯỚI - TRÁI: “Tràng Thống ở Ueno,” trong tập tranh “Một trăm danh thắng ở Edo”, 1857, thời Edo (1615–1868), Ando Hiroshige 安藤 広重. Được xuất bản bởi Uoya Eikichi. Tranh in mộc bản (định dạng oban tate-e), mực và màu trên giấy, 37x 25 cm. Quý Laura P. Hall Memorial Fund.

ngữ ẩn dụ để người xem có thể chiêm nghiệm và hiểu sâu sắc hơn về văn hóa.

Theo truyền thống, thơ văn là một hình thức nghệ thuật được đánh giá cao ở Nhật Bản; nhiều bức tranh phong cảnh có kèm theo văn xuôi hoặc thơ. Trên thực tế, thơ là hình thức nghệ thuật cao cấp ở Nhật Bản thời bấy giờ; vậy nên những chủ đề về phong cảnh thường xuất hiện đầu tiên trong các bài thơ, rồi sau đó là hội họa. Các câu chữ cũng là một phần trong bố cục, giúp diễn giải thêm về nội dung của bức tranh.

Một bài thơ trong bức “Đền thờ Tenjin” của Reigen Eto (1721–1785) còn gọi là thần thơ Tenjin, rất yêu thích. Truyền thuyết nói về tình yêu của Sugawara với cây mận. Người ta nói rằng hoa mận của Sugawara có thể bay.

Trước khi đi khỏi Kyoto, Sugawara đã viết một bài thơ gửi niềm yêu thương tới loài cây này:

Nếu cơn gió đông thổi qua,
Hãy nhờ gió gửi hương thơm của bạn cho tôi,

này hoa mận:
Đừng quên xuân thời
Vi chủ nhân của bạn đã đi rồi.

Bài thơ trong tiếng Nhật: *kochi fukaba / noi okose yo / ume no hana / aruji nashi tote/ haru o wasuru na*

Chủ nhân ra đi, cây mận đau buồn đến nỗi theo gió bay qua khung cảnh bao la đến tận đôn Dazaifu xa xôi để ở bên Tenjin; đó là lý do tại sao bây giờ nó được gọi là “Tobi-ume” (Mận Bay). Dù một số người nói rằng cây mận đã được trồng lại tại Dazaifu Tenman-gu (một trong những đền thờ chính của ông), chúng ta có thể hình dung qua nét vẽ nhanh khá trừu tượng của Reigen, hình ảnh hoa mận đang bay.

Ví dụ khác thể hiện sự kết hợp giữa hội họa và thơ ca, Bức tranh “Ba Thắng Cảnh của Nhật Bản” do Tanomura Chokunyu (1814–1907) vẽ cho thấy ba địa điểm nổi tiếng: Ama no Hashidate, Đền Itsukushima, và Matsushima. Tác phẩm có đề hai bộ thơ, một trên tranh cuộn của Tanomura và một trên tranh vẽ núi của Tomioka Tessai (1837–1924). Tất cả các bài thơ là chủ thích cho các địa điểm trong tranh.

Thơ văn không chỉ được sử dụng để giải thích và thể hiện nội hàm của các bức tranh; chữ viết cũng có thể là một hình thức tranh. Tác phẩm “Núi Thơ Phú Sĩ” của Yamaguchi Shido (1765–1842) dùng chính những dòng thơ khổ dọc để tạo nên đường nét cho ngọn núi: Ngọn núi thực sự được tạo nên từ thơ; mỗi dòng thơ cho chúng ta biết về ngọn núi tôn kính cũng như tạo nên hình dạng của núi.

Các họa tiết trong tranh Nhật Bản là một cách khác để thể hiện ý nghĩa của các bức tranh phong cảnh, chẳng hạn như núi Phú Sĩ nổi tiếng tượng trưng cho vận may, hoặc cây thông tượng trưng cho sự kiên trì.

Những hình tượng lớn nhất trong mơ vào năm mới của người Nhật, hay còn gọi là Hatsuyume, là núi Phú Sĩ, một con điều hàu, và cà tím. Nếu những hình ảnh này xuất hiện trong giấc mơ vào đêm đầu tiên của năm mới, theo truyền thống ở Nhật Bản là ngày mùng 1 tháng Giêng, báo hiệu một năm mới tốt lành. Hakuin Ekaku (1686–1768) thể hiện cả ba hình ảnh này trong bức tranh cuộn treo khổ lớn, với nét vẽ đơn giản, mạnh mẽ lấp đầy không gian rộng lớn.

Không gian thiêng liêng

Vào thời cổ đại, người Nhật thường hành hương đến một ngôi đền hoặc một vùng đất thiêng. Những người hành hương được miêu tả trong bức tranh “Nachi Pilgrimage Mandala” cho chúng ta cái nhìn toàn cảnh về các hoạt động sôi nổi hàng ngày, bên trong và bên ngoài của một trong những ngôi đền được tôn kính nhất Nhật Bản. Những người hành hương sẽ tụ tập quanh bức tranh này để nghe kể về những câu chuyện linh thiêng của ngôi đền. Chúng ta gần như có thể tưởng tượng những câu từ mà người kể chuyện sẽ nói khi nhìn các hình vẽ trong bức tranh từ phải sang trái, giống như khi đọc chữ viết tiếng Nhật.

Không gian trầm tư tĩnh lặng là một chủ đề khác trong tranh. Một bức tranh của Kameda Bosai (1752–1826) trong tập sách “Những Ngọn Núi của Trái Tim” thể hiện một người đàn ông đang tĩnh lặng ngắm nhìn những đỉnh núi. Một trong bản in của Katsushika Hokusai (1760–1849) về một ngôi đền nổi tiếng ở Edo (Tokyo), là hình ảnh những người đàn ông và phụ nữ đang chăm chú thưởng ngoạn núi Phú Sĩ.

Người phụ trách triển lãm, Watsky, một giáo sư về nghệ thuật và khảo cổ học Nhật Bản tại Princeton, hy vọng rằng “Chúng ta có thể thấy các nghệ sĩ Nhật Bản tôn vinh thế giới xung quanh họ như thế nào, núi non, sông nước, các danh lam ở Nhật Bản, những thắng cảnh Trung Hoa trong trí tưởng tượng; nhận ra được điều này, chúng ta sẽ có thể hòa hợp hơn với thế giới xung quanh, cho dù chúng ta ở đâu.”

Phượng Du biên dịch

‘Thế giới của cảm xúc’ trong NGHỆ THUẬT HY LẠP CỔ ĐẠI

MILENE FERNANDEZ

“Xin hãy nghĩ về cha ngài.” Những lời này đã khiến Achilles – chiến binh vĩ đại nhất của quân Hy Lạp – rơi nước mắt khi Priam, vua của thành Troy, xin lại thân xác không toàn vẹn của con trai ông là Hector để chôn cất. Achilles đã trở lại thế Hector sau cố xe của mình và kéo lê quanh các bức tường thành Troy trong cơn thịnh nộ trước cái chết của một người bạn thân. Bằng tất cả sự khiêm cung của mình, vua Priam đã quý gói trước Achilles; ông hôn tay kẻ thù và đưa ra lời thỉnh cầu.

Khi nghe những lời của vua Priam, Achilles tưởng tượng ra viên cánh một ngày người cha già của mình cũng có thể khóc thương cho cái chết của con trai. Nhận ra điều này, sự tức giận của chàng biến thành đau buồn. Vua thành Troy và người hùng Hy Lạp cùng khóc, lòng nhân đạo đã gắn kết họ với nhau.

Người Hy Lạp cổ đại thường biểu đạt những cảm xúc mãnh liệt, như Homer đã diễn tả trong sử thi “Iliad” (khoảng năm 700 trước CN) – bản trường ca Hy Lạp cổ nhất trong văn học phương Tây.

Ngay khi bắt đầu, Trường ca Iliad kể về cơn thịnh nộ của Achilles và hậu quả của nó. “Đây không phải là những

Người Hy Lạp cổ đại đã xây dựng những ngôi đền, không chỉ là không gian dành cho nghi lễ và thờ cúng, mà còn để nhìn nhận và suy ngẫm về cảm xúc.



“Thế giới của cảm xúc: Hy Lạp cổ đại 700 TCN–200 SCN,” triển lãm tại Trung tâm văn hóa Onassis New York.

biểu tượng cảm xúc mà bạn thấy trên iPhone,” ông Michael Djordjevitich nói. Ông là một nhà nghiên cứu kiến trúc thâm niên và là thành viên của Trường Nghiên cứu Cổ điển Hoa Kỳ tại Athens, hiện đang giảng dạy lịch sử nghệ thuật và kiến trúc tại Grand Central Atelier và làm việc cho xưởng thiết kế Atelier & Co. ở New York.

Chúng ta không thực sự biết người Hy Lạp cổ đại cảm thấy gì, nhưng thông qua văn học, triết học và các cổ vật, chúng ta hiểu được cách họ biểu đạt cảm xúc. Hơn 130 tác phẩm được trưng bày (từ các bảo tàng hàng đầu gồm Bảo tàng Acropolis, Bảo tàng Khảo cổ Quốc gia Athens, Bảo tàng Louvre, Bảo tàng Vatican, Bảo tàng Anh, và Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan) đều kể về những câu chuyện giúp chúng ta hiểu theo cách của riêng mình.

Vua Priam đã thuyết phục được Achilles bằng cách để nghị anh suy nghĩ lại. Nhờ đó, cơn thịnh nộ đã

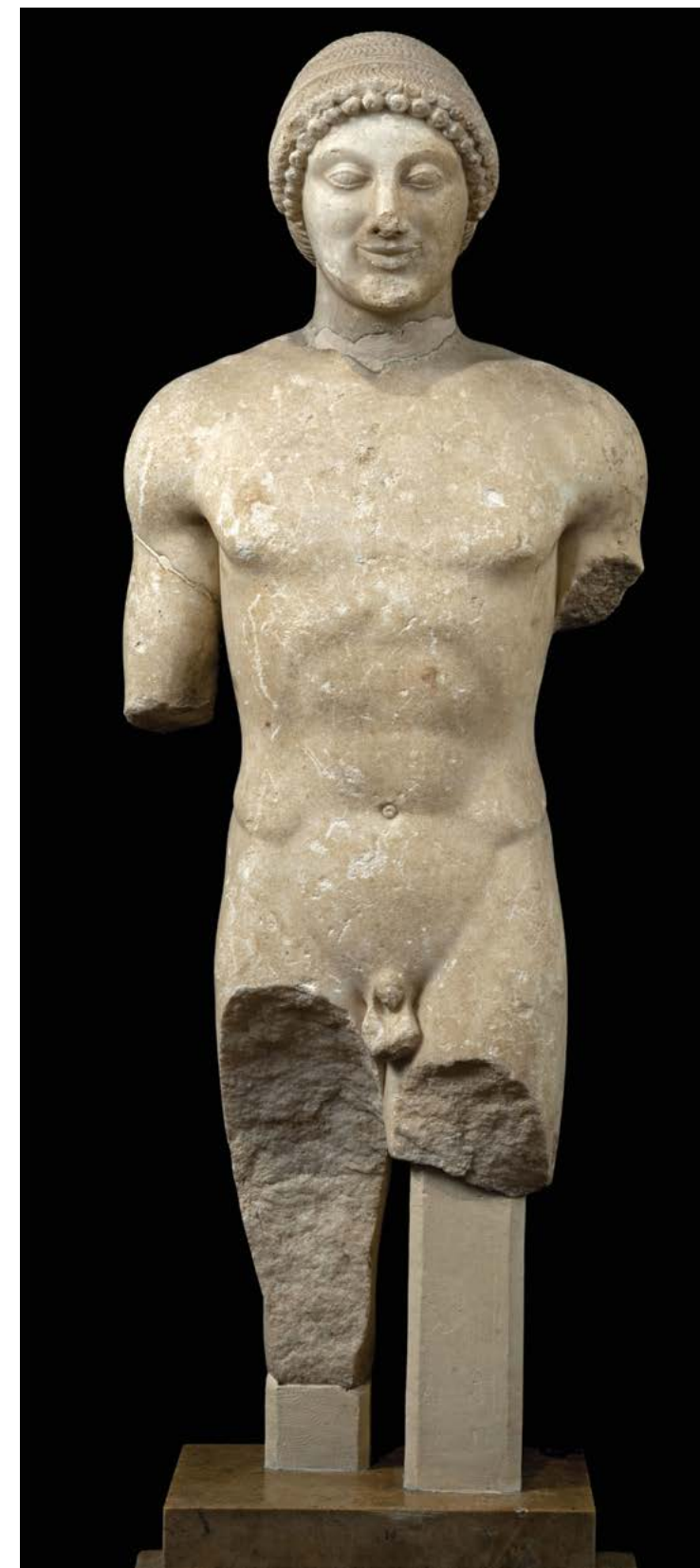
biến thành đau buồn. Giáo sư về cổ điển tại trường Đại học New York University, David Konstan viết: “Tình yêu của chúng ta dành cho bạn bè dựa trên sự trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của họ; nó có thể bao gồm những lợi ích thiết thực và việc đem lại niềm vui cho nhau, nhưng trên hết chính là đức tính của họ”. Quyết định của chúng ta để yêu ai đó dựa trên các giá trị đạo đức và sự suy xét. Nó không chỉ là vấn đề “hóa học”.

Người Hy Lạp cổ đại đã phát triển một số học thuyết khởi thủy về cảm xúc. Họ hiểu rằng cảm xúc là sức mạnh và như là thần linh. Trong một đền thờ gồm hơn 30 vị thần, ví dụ Ares là vị thần của chiến tranh và vũ lực, trong khi Aphrodite là nữ thần của tình yêu và sắc đẹp. Mỗi nam thần và nữ thần đều có liên quan đến phẩm chất và cảm xúc của riêng họ.

“Người Hy Lạp cổ đại đặc biệt chú ý đến những cảm xúc mãnh liệt liên quan đến chiến tranh, những xung đột với quy mô lớn của nhân loại với những trải nghiệm dữ dội nội tâm”, theo ông Djordjevitich. “Toàn bộ vở kịch cổ đại có xu hướng kể về những gì xảy ra khi bạn vượt qua ngưỡng đó, chẳng hạn như sự báo thù, và đây bạn đến một cảnh giới nguy hiểm.”

Chàng hạc trong “Oresteia,” bộ ba bi kịch Hy Lạp, “Clytemnestra rõ là đáng bị xử tử vì tội sát hại chồng, nhưng ngạt nổi chính những đứa con của bà đã sát hại bà. Văn hóa Hy Lạp tập trung rất nhiều vào những nghịch cảnh này. Đó là lý do tại sao nó rất hấp dẫn đối với chúng ta, bởi vì nó đại diện cho một tình huống mà con người gặp phải trong những thời khắc phi nhân tính.”

Ông cho rằng: “Vở kịch cường điệu những điều bình thường để bộc lộ những nhân tố thúc đẩy nham ẩn sâu và



Tượng một Kourouos (tượng nam khỏa thân của Hy Lạp cổ đại). Đá cẩm thạch, khoảng năm 500 trước CN, từ khu bảo tồn Apollo tại Ptoos. Bảo tàng Khảo cổ Quốc gia, Athens; Bộ Văn hóa và Thể thao Hellenic - Quy Khảo cổ học.



TRÁI: Tượng đầu của Penthesilea. Đá cẩm thạch, bản sao La Mã từ một bản gốc Hy Lạp. Cái chết của Penthesilea: với hai cái đầu bằng đá cẩm thạch của Achilles và Penthesilea cho thấy một loạt các cảm xúc mãnh liệt. Vô tình giết chết em gái mình khi đi săn, nữ hoàng chiến binh xinh đẹp Amazon, Penthesilea, cảm thấy đau buồn đến nỗi cô đã sẵn sàng hy sinh trong trận chiến vì một người đang kính. Chiến đấu bên phe thành Troy, cô đã gặp người hùng bất bại Hy Lạp Achilles trong cuộc chiến. Bộ giáp chiến che kín khiến cả hai không thể nhận ra nhau. Khi Achilles giết cô chỉ bằng một đòn, khuôn mặt cô lộ ra và cả hai nảy sinh tình yêu trong khoảnh khắc đó. Và anh đã ôm cô khi cô qua đời. Hành trình của cô là chuỗi đau buồn, giận dữ, tình yêu. Và của anh là giận dữ, yêu thương, đau buồn liên tiếp.

PHẢI: Tượng đầu của Achilles. Đá cẩm thạch, bản sao La Mã từ một bản gốc Hy Lạp. Antikenmuseum Basel và Sammlung Ludwig.



Tấm bia tang. Đá cẩm thạch, đầu thế kỷ thứ ba TCN, từ Nghĩa trang của Thera cổ đại. Bảo tàng khảo cổ Thera. Bộ Văn hóa và Thể thao Hellenic - Quy Khảo cổ học.



Cảnh về sự hy sinh của Iphigenia. Tranh tường, Fresco trên thạch cao, khoảng năm 62 sau Công Nguyên (CN), từ Pompeii. Bảo tàng Archeologico Nazionale di Napoli.

tao thành nên cuộc sống của mỗi người. Là một xã hội văn minh, tất cả những cảm xúc vượt ngưỡng này phải được kiểm soát, nhưng chúng vẫn có thật; vì vậy bạn không thể giả vờ như chúng không có ở đó”.

Người Hy Lạp cổ đại đã xây dựng những ngôi đền, không chỉ là không gian dành cho nghi lễ và thờ cúng, mà còn để nhìn nhận và suy ngẫm về cảm xúc.

Khi chúng ta thấy những cảnh đầm máu được thể hiện trong đó gồm Hy Lạp cổ đại – chẳng hạn một người vợ ghen tuông sát hại hai đứa con trai của mình, trong huyền thoại về Medea – và những cảnh phá hủy, hãm hiếp, kẻ cận sinh tử, hoặc sự nổi loạn; chúng ta có thể cho rằng người Hy Lạp cổ đại nói chung là rất bạo lực. Tuy nhiên trong cuộc sống hàng ngày, họ có thể giao tiếp với nhau với một tâm thái yên bình hơn nhiều, bởi vì họ đã tạo ra không gian và thời gian để có thể điều hòa cảm xúc của họ, thông qua việc xem những vở hài kịch, trào phúng hoặc bi kịch, hoặc qua việc thờ phượng trong các đền thờ.

Người Hy Lạp cổ đại đã phát triển một số học thuyết khởi thủy về cảm xúc. Nhà triết học Aristotle đã xem xét rất nhiều loại cảm xúc, sắp xếp chúng thành từng cặp, trong chuyên luận của ông về nghệ thuật hùng biện. Định nghĩa nổi tiếng về bi kịch của ông giải thích hiệu quả chữa bệnh của việc xem các vở bi kịch.

“Achilles chỉ hiện diện trước chúng ta là một con người thực sự khi vua Priam nhắc nhở rằng anh ta cũng có

một người cha sẽ đau buồn vì anh. Đó là khoảnh khắc cao trào của ‘Iliad’; khiến người xem gạt nước mắt. Chiến binh Achilles vô địch, kiêu ngạo, khát máu đột nhiên được đánh thức. Đó là một minh chứng tuyệt vời cho mức độ sâu sắc và bao la của thế giới tâm linh của một nền văn hóa, và sự chín chắn về cảm xúc.”

Cao trào là toàn bộ mục đích của bi kịch như được giải thích trong “Thơ” của Aristotle. “Toàn xã hội cùng thanh lọc những cảm xúc này bằng cách thể hiện chúng theo cách tập trung, tiết chế, đầy nghệ thuật,” theo ông Djordjevitich.

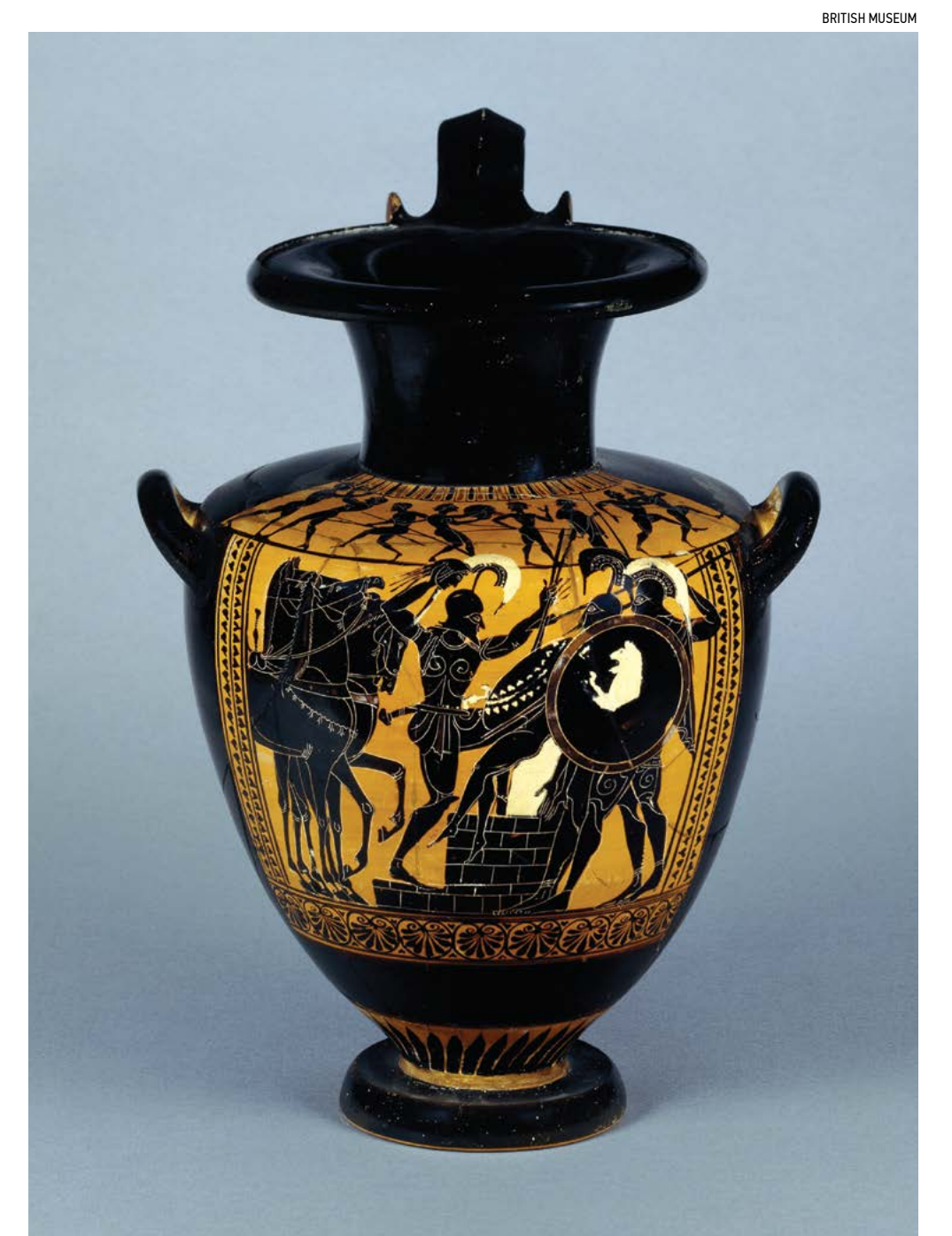
Achilles nhắc nhở chúng ta rằng ngay cả một anh hùng cũng có thể sai lầm và do đó phải chịu báo ứng và trừng phạt. Các mâu vật và những câu chuyện liên quan trong triển lãm nhắc nhở chúng ta về tất cả những cảm xúc mà người Hy Lạp cổ đại gọi là thần thánh.

“Người Athen đã xây dựng ngôi đền ‘Nemesis’ (Nữ thần Báo ứng) bên cạnh chiến thắng vĩ đại của họ ở Marathon. Nó không chỉ ám chỉ ‘Ồ haha, hãy nhìn đi người Ba Tư, số phận của các vị kết thúc vì sự kiêu ngạo của mình.’ Mà nó còn dùng để nhắc nhở họ rằng, Ngạo Mạn luôn đi kèm với Báo Ứng, và là một quy luật vĩnh viễn ở mảnh đất linh thiêng này. Trình độ tự nhận thức và chiêm nghiệm đó là vẻ đẹp của người Hy Lạp cổ đại,” ông Djordjevitich nói.

Hàn Mặc biên dịch



Achilles sát hại Penthesilea. Cốc bằng gốm, red-figure (phong cách hình nét đỏ trên nền đen của Hy Lạp), khoảng năm 470–460 trước CN, từ Vulci. Staatliche Antikensammlungen và Glyptothek Munich.



Hydria (vai nước) với hình Achilles sát hại Troilus. Gốm, black-figure (phong cách hình vẽ đen của Hy Lạp cổ đại), khoảng năm 510–500 trước CN. Thoạt nhìn, một chiếc bình bằng gốm với những họa tiết đẹp mắt, được bố cục hài hòa. Nhưng khi nhìn kỹ hơn, một vở kịch đau đớn hiện ra, chẳng hạn, Achilles phục kích và giết chết hoàng tử thành Troy, Troilus.

SHEN YUN

trở lại với buổi diễn đầu tiên của năm 2021

EPOCH NEWSROOM

Ngay khi nốt nhạc đầu tiên và tiếng công mở màn vang lên, khán giả biết rằng họ sắp được thưởng thức một điều gì đó đặc biệt. Âm thanh kết hợp giữa nhạc cổ điển phương Tây và Trung Hoa cổ đại cùng nhau ngân lên. Màn sân khấu được kéo lên, hiển lộ một thế giới mới tươi sáng thần thánh, trong trẻo như ngọc bích. Đoàn Nghệ thuật Shen Yun được mên mộ trên toàn thế giới trở lại sân khấu trong tháng Sáu này, và điểm dừng chân đầu tiên là tại Stamford, Connecticut.

Shen Yun có trụ sở tại New York, là công ty múa cổ điển Trung Hoa hàng đầu thế giới trong khoảng hơn chục năm nay, hồi sinh một loại hình nghệ thuật cổ điển Trung Quốc đã bị thất truyền dưới chế độ cộng sản. Vào năm 2006, các nghệ sĩ từ khắp thế giới, gồm cả một số người thoát khỏi cuộc đàn áp ở Trung Quốc, đã cùng nhau đến New York để thành lập một công ty nghệ thuật có thể hồi sinh nên văn minh 5,000 năm Trung Hoa, giới thiệu văn hóa truyền thống Trung Hoa đích thực ra thế giới. Cho tới nay, đây là vũ đoàn duy nhất đem múa cổ điển Trung Hoa đến với khán giả khắp hành tinh - lượng khán giả ngày càng đông đang háo hức chờ đợi sự trở lại của Shen Yun sau nhiều tháng gián đoạn vì đại dịch.

Tại Nhà hát Palace của Stamford, Shen Yun trình diễn ba chương trình vào cuối tuần ngày 26 và 27/06; dù mới có thông báo chỉ vài tuần trước buổi diễn, vé đã được nhiều người tìm kiếm. Sau bốn ngày mở bán, 2/3 số vé đã đến tay người xem.

Mùa hè năm này, công ty sẽ dừng chân tại Colorado, South Dakota, Washington, và Texas. Các buổi biểu diễn cho năm 2021 và 2022 tiếp tục được cập nhật, và lịch diễn cụ thể được đăng tải tại website ShenYun.com.

Văn hóa truyền thống Trung Quốc được biết đến là lấy nguồn cảm hứng từ Thần, và điều này được phản ánh qua tên gọi Shen Yun {Thần Vận}, nghĩa là "vẻ đẹp của những vũ điệu thần tiên". Một buổi biểu diễn thông thường có khoảng 20 tiết mục, bao gồm các điệu múa cổ điển Trung Hoa thể hiện vẻ đẹp của các triều đại khác nhau; miêu tả các nhân vật

hoặc câu chuyện lịch sử nổi tiếng; các điệu múa dân tộc và múa dân gian từ hơn 50 dân tộc thiểu số trên khắp Trung Hoa; và các nghệ sĩ bel canto {phong cách hát cổ điển của Ý} đơn ca các nhạc phẩm gốc bằng tiếng Trung Hoa. Shen Yun có một số đoàn lưu diễn; mỗi đoàn có một dàn nhạc biểu diễn các tác phẩm tự sáng tác, họ nổi tiếng với khả năng kết hợp các nhạc cụ và giai điệu truyền thống Trung Hoa với phong cách hòa âm phối khí của âm nhạc cổ điển phương Tây.

Như The Epoch Times đã ghi nhận từ lâu, khán giả thường kể về cảm giác thăng hoa, nhẹ nhàng khó tả và ca ngợi những hình ảnh thiên nhiên mà Shen Yun biểu đạt thông qua nghệ thuật đỉnh cao. Khán giả được tìm hiểu về văn hóa chân chính của Trung Quốc - điều mà Trung Cộng ngay từ khi thành lập đã cố gắng hủy hoại.

Vì sứ mệnh này, Shen Yun đã bị cấm biểu diễn tại Trung Quốc đại lục. Chính quyền Trung Cộng từ lâu đã can thiệp vào các buổi biểu diễn trên khắp thế giới, cố gắng làm mất uy tín của công ty, và đe dọa để các nhà hát để hủy bỏ các buổi biểu diễn.

Vài ngày trước đợt phong tỏa Hoa Kỳ vào năm ngoái, Shen Yun đã nhận được sự cổ vũ nhiệt tình và triu mến của khán giả khắp thế giới.

Ông Dan Bolen, chủ một công ty tuyển dụng giám đốc ở Scottsdale, Arizona đã tham dự một buổi biểu diễn của Shen Yun tại Nhà hát Ikeda ở Trung tâm Nghệ thuật Mesa ngày 13/03/2020, cho biết, "Hiện nay thế giới chúng ta đang bị virus [corona] hoành hành, nhưng Shen Yun khiến tôi cảm thấy như đang ở một nơi tốt đẹp, khiến tôi trân trọng giá trị đích thực của nghệ thuật, giá trị đích thực của nghệ thuật múa. Và vì vậy tôi cảm thấy thật phấn chấn và lạc quan."

Tại Montpellier, Pháp, nghệ sĩ piano người Pháp gốc Tây Ban Nha Emmanuel Ferrer-Laloë cho biết các nghệ sĩ biểu diễn đều xuất sắc về mọi khía cạnh. "Có một thông điệp rõ ràng đằng sau, một thông điệp tâm linh. Khía cạnh truyền thống này cũng rất quan trọng. Truyền thống phải được bảo tồn," ông chia sẻ tại Corum vào ngày 12/03/2020. "Biểu cảm của các vũ công, qua các động tác của họ, thực sự nói lên rất nhiều điều, những cảm xúc, và những dấu ấn; rất rất rất xuất sắc!"



EDWARD DYE / THE EPOCH TIMES

Lời chào hạ màn của Đoàn Nghệ thuật Shen Yun tại Trung tâm Lincoln, New York, ngày 11/03/2020.



<https://www.youtube.com/watch?v=0JwBQxKbzeo>

Tại Sydney, Úc, một doanh nhân người Úc gốc Đài Loan họ Lu đã mua 120 vé tặng các nhân viên cứu hỏa New South Wales cùng bạn bè và gia đình họ để cảm ơn họ đã làm việc chăm chỉ trong mùa hè, cũng là mùa cháy rừng sau ba năm hạn hán trầm trọng. Sự hy sinh của họ đã khiến ông Lu cảm động. Với mong muốn các nhân viên cứu hỏa có cơ hội dành thời gian bên gia đình, ông đã nảy ra ý tưởng tặng họ một trải nghiệm mới mẻ về Shen Yun.

"Tôi đã vô cùng xúc động, từ tận đáy lòng, khi lần đầu tiên được xem Shen Yun", ông nói. "Một loại cảm giác không thể diễn tả bằng lời."

Phương Du biên dịch



Banner quảng bá Shen Yun 2021 trên website của Đoàn Nghệ thuật Biểu diễn Shen Yun (shenyun.com).

EPOCH
TIMES
TIẾNG VIỆT

www.etviet.com

CHÚNG TÔI ĐƯA
NHỮNG TIN TỨC
QUAN TRỌNG,
TRUNG THỰC VÀ
TRUYỀN THỐNG



EPOCH TIMES TIẾNG VIỆT

3 EASY WAYS TO SUBSCRIBE / Có thể đặt báo qua:

ONLINE: www.etviet.com

BY PHONE/Call:

(626) 618-6168
(714) 356-8899

BY MAIL:

Fill out the form to the right and mail it to / Xin điền mẫu bên cạnh và gửi đến:

Epoch Times Tiếng Việt
10962 Main Street, Ste 101,
El Monte, CA 91731

Weekly print paper to your home / Một tờ báo sẽ được giao tận nhà mỗi tuần.

All subscriptions will continue until you request to cancel / Báo vẫn tiếp tục giao cho tới khi khách hàng yêu cầu ngưng.

Yes, I'd like to subscribe for/Vâng, tôi muốn đặt báo:

Normal delivery/Gửi thường (khoảng 6-7 ngày sẽ nhận được báo)

6 months for \$59 12 months for \$104

Fast delivery/Gửi nhanh (khoảng 2-4 ngày sẽ nhận được báo)

3 months for \$45 6 months for \$89 12 months for \$175

NAME/Tên _____

PHONE/Số phone _____

ADDRESS/Địa chỉ _____

CITY/Thành phố _____

STATE/Tiểu bang _____

ZIP/Mã vùng _____

EMAIL _____

PAY BY CHECK/Trả bằng chi phiếu (Payable to /Trả cho: Epoch Times Tiếng Việt)

USE MY CREDIT CARD/Dùng thẻ tín dụng

VISA MasterCard Discover

Card number/Số thẻ: _____

Exp.date/Ngày hết hạn: _____

Signature/Chữ ký: _____

CVC # (REQUIRED) /Số CVC (bắt buộc): _____